TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 132/2019/QĐST- HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 19 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án HNGĐ thụ lý số 106 /2019/ TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Việt A, sinh năm 1982.

HKTT: Tổ S, phường X, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hải A, sinh năm 1986.

HKTT: Tổ V, phường D, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54; 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Việt A, sinh năm 1982.

HKTT: Tổ S, phường X, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hải A, sinh năm 1986.

HKTT: Tổ V, phường D, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Việt A và chị Nguyễn Hải A nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai bên nhất trí chị chị Nguyễn Hải A sẽ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 24/10/2011 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trần Việt A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/ tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Trần Việt A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

2.4. Án phí: Anh Trần Việt A nhận nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0007314 ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND tp.TN;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án..

THẨM PHÁN

Lê Quý My